

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016

Tháng 8 năm 2016

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Trần Đức Thanh	Ủy viên
Ông Đậu Ngọc Thanh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lương	Ủy viên
Bà Trần Thị Phương Mai	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc
Ông Văn Anh Hùng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2016)
Ông Hồ Hữu Phước	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đức Thanh

Giám đốc

Ngày 09 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 06.08/2016/BCSX- IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3, được lập ngày 09 tháng 08 năm 2016, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01
Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2016



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.255.181.085	34.468.711.769
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.515.949.784	1.072.893.436
1. Tiền	111	V.1	2.515.949.784	1.072.893.436
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.385.770.862	27.134.448.761
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	17.466.156.259	22.806.332.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		371.125.800	119.175.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	5.423.645.266	5.076.391.952
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(875.156.463)	(867.451.732)
III. Hàng tồn kho	140	V.5	7.200.419.672	6.112.371.114
1. Hàng tồn kho	141		7.273.381.430	6.185.332.872
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(72.961.758)	(72.961.758)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		153.040.767	148.998.458
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		153.040.767	148.998.458
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.052.897.194	3.330.110.237
I. Tài sản cố định	220		2.723.812.320	2.973.368.281
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	2.723.812.320	2.973.368.281
- Nguyên giá	222		10.305.707.952	10.545.694.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.581.895.632)	(7.572.326.338)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		239.676.403	239.676.403
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.7	239.676.403	239.676.403
III. Tài sản dài hạn khác	260		89.408.471	117.065.553
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		89.408.471	117.065.553
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35.308.078.279	37.798.822.006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.707.515.123	19.120.589.207
I. Nợ ngắn hạn	310		18.707.515.123	19.120.589.207
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		846.415.740	3.132.929.836
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.815.009.028	938.552.702
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	943.505.096	1.519.361.111
4. Phải trả người lao động	314		2.279.685.062	4.668.527.618
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	46.136.364
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	5.111.983.110	3.980.136.202
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	2.365.374.161	3.542.523.566
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11	818.508.322	944.776.292
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		527.034.604	347.645.516
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.600.563.156	18.678.232.799
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	16.600.563.156	18.678.232.799
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.197.100.000	13.197.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.197.100.000	13.197.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.860.000	8.860.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.544.508.710	2.018.696.693
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		850.094.446	3.453.576.106
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		850.094.446	3.453.576.106
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.308.078.279	37.798.822.006

Lương



Trần Thị Lương

Người lập

Ngày 09 tháng 08 năm 2016

Trần Thị Lương

Kế toán trưởng

Trần Đức Thanh

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	13.834.593.839	12.758.736.930
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.834.593.839	12.758.736.930
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.256.262.550	9.966.825.115
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.578.331.289	2.791.911.815
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.262.469	100.184.339
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	240.038.703	23.867.079
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		115.935.846	16.718.968
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.498.690.475	1.412.240.625
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		843.864.580	1.455.988.450
11. Thu nhập khác	31	VI.5	281.076.406	246.155.166
12. Chi phí khác	32	VI.6	58.454.197	59.883.099
13. Lợi nhuận khác	40		222.622.209	186.272.067
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.066.486.789	1.642.260.517
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	216.392.343	361.297.314
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		850.094.446	1.280.963.203
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	541	815
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		541	815

Luong



Trần Thị Lương

Người lập

Ngày 09 tháng 08 năm 2016

Trần Thị Lương

Kế toán trưởng

Trần Đức Thanh

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	25.201.246.313	15.486.614.335
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10.225.854.838)	(11.844.399.597)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.804.246.434)	(5.775.451.217)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(115.935.846)	(16.718.968)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(538.851.138)	(360.180.628)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.518.203.100	17.191.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.588.782.730)	(2.802.866.033)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.445.778.427	(5.295.811.108)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(8.200.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	170.000.000	60.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.262.469	42.130.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	174.262.469	93.930.500
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.940.169.880	3.423.508.081
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.117.319.285)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.177.149.405)	3.423.508.081
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.442.891.491	(1.778.372.527)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.072.893.436	2.951.449.831
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	164.857	735.287
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.515.949.784	1.173.812.591

Lương



Trần Thị Lương

Người lập

Ngày 09 tháng 08 năm 2016

Trần Thị Lương

Kế toán trưởng

Trần Đức Thanh

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (gọi tắt là "Công ty") là công ty con của Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 122/2003/QĐ-BCN ngày 11/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Sau đó, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 theo Quyết định số 03QĐ/XLD 3.3-HĐQT ngày 20/02/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900576216 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 13.197.100.000 đồng, được chia thành 1.319.710 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là VE3.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 80 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 là 85 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi; Xây dựng các nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500 KV);
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xử lý nền móng các công trình;
- Mua bán xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng;
- Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (chi tiết: Sản xuất cột điện bê tông, công bê tông ly tâm, cống rung lắc và các sản phẩm từ bê tông);
- Sản xuất thiết bị điện khác; và
- Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	10

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	412.214.420	65.659.773
Tiền gửi ngân hàng	2.103.735.364	1.007.233.663
Cộng	<u>2.515.949.784</u>	<u>1.072.893.436</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam	6.795.382.179	14.451.119.017
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xây lắp điện	1.828.104.011	-
Công ty điện lực Sơn La	1.430.577.462	-
Công ty Cổ phần thương mại Xây lắp Công nghiệp Thăng Long	1.401.275.898	3.051.264.898
Ban quản lý dự án lưới điện	1.272.557.812	-
Công ty Cổ phần xây lắp và dịch vụ Sông Đà	1.020.005.471	1.889.964.725
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	1.006.097.173	791.377.966
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.712.156.253	2.622.606.135
Cộng	<u>17.466.156.259</u>	<u>22.806.332.741</u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Nguyễn Văn Đào	-	994.854.642
Đậu Văn Tiến	-	357.713.998
Hồ Hữu Phước	-	396.498.116
Phải thu nhân viên mượn tạm thời	142.000.000	159.735.805
Tạm ứng	3.954.739.492	1.766.308.205
Các khoản phải thu Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.149.758.336	1.252.801.406
Phải thu khác	177.147.438	148.479.780
Cộng	<u>5.423.645.266</u>	<u>5.076.391.952</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**4. Nợ xấu**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Việt Á	327.472.400	-	327.472.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Nghiệp Việt Á	254.728.513	-	254.728.513	-
Các đối tượng khác	293.587.834	632.284	285.250.819	-
Cộng	875.788.747	632.284	867.451.732	-

5. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.316.284.831	33.762.087	1.377.165.448	33.762.087
Công cụ, dụng cụ	22.099.038	1.878.552	22.748.745	1.878.552
Chi phí sản xuất kinh doanh	3.263.516.919	-	2.402.209.968	-
Thành phẩm	2.671.480.642	37.321.119	2.383.208.711	37.321.119
Cộng	7.273.381.430	72.961.758	6.185.332.872	72.961.758

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ là 72.961.758 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 72.961.758 đồng). Nguyên nhân là do để lâu trong kho và bị ảnh hưởng bởi thời tiết. Trong thời gian tới, công ty sẽ thực hiện thanh lý những mặt hàng tồn kho kém phẩm chất nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	3.896.619.770	3.339.359.403	3.222.619.493	87.095.953	10.545.694.619
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(239.986.667)	-	(239.986.667)
Tại ngày 30/06/2016	3.896.619.770	3.339.359.403	2.982.632.826	87.095.953	10.305.707.952
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	3.323.927.144	2.152.438.811	2.020.199.651	75.760.732	7.572.326.338
Khấu hao trong kỳ	14.222.957	100.384.891	133.058.909	1.889.204	249.555.961
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(239.986.667)	-	(239.986.667)
Tại ngày 30/06/2016	3.338.150.101	2.252.823.702	1.913.271.893	77.649.936	7.581.895.632
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	572.692.626	1.186.920.592	1.202.419.842	11.335.221	2.973.368.281
Tại ngày 30/06/2016	558.469.669	1.086.535.701	1.069.360.933	9.446.017	2.723.812.320

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết còn sử dụng là 4.911.061.677 đồng.

7. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư cổ phần Công ty Cổ phần Sông Ba (mã chứng khoán SBA), số lượng cổ phần nắm giữ là 25.166 cổ phần, giá trị gốc của khoản đầu tư là 239.676.403 đồng, giá trị hợp lý tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là 241.593.600 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong kỳ	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	740.372.754	1.403.127.637	1.662.051.856	999.296.973
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.392.343	217.388.343	538.851.138	515.855.138
Thuế thu nhập cá nhân	8.739.999	33.485.619	25.735.620	990.000
Tiền thuê đất	-	104.005.500	107.224.500	3.219.000
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	943.505.096	1.761.007.099	2.336.863.114	1.519.361.111

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**9. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	26.387.818	25.315.912
Bảo hiểm xã hội	162.242.645	91.031.661
Bảo hiểm y tế	28.357.583	-
Bảo hiểm thất nghiệp	12.718.874	-
Phải trả tiền bảo hành công trình	1.295.338.157	3.520.908.524
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.375.478.001	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.211.460.032	342.880.105
Cộng	5.111.983.110	3.980.136.202

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2016	Trong năm		01/01/2016
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Vinh (i)	2.365.374.161	2.940.169.880	4.117.319.285	3.542.523.566
Cộng	2.365.374.161	2.940.169.880	4.117.319.285	3.542.523.566

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ 100% các khoản vay ngắn hạn khi đến hạn.

(i) Giá trị khoản vay này được ký kết theo các hợp đồng sau:

- HĐTD số 01/2015-HĐTDHM/NHCT442-VNECO 3 vào ngày 15 tháng 05 năm 2015. Hạn mức vay là 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay quy định theo từng giấy nhận nợ và thay đổi 1 tháng 1 lần. Thời hạn cho vay được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng. Không có tài sản đảm bảo.
- HĐTD số 01/2016-HĐTDHM/NHCT442-VNECO 3 vào ngày 27 tháng 04 năm 2016. Hạn mức vay là 3.600.000.000 đồng. Mục đích vay: thanh toán lô thầu 10.2, gói thầu 10 Xây lắp đường dây 500/220KV từ G10 đến G22 đường dây 500/220KV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2. Lãi suất vay quy định theo từng giấy nhận nợ và thay đổi 1 tháng 1 lần. Thời hạn cho vay được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 9 tháng. Không có tài sản đảm bảo.
- HĐTD số 01/2016-HĐTDHM/NHCT442-VNECO 3 vào ngày 19 tháng 05 năm 2016. Hạn mức vay là 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh cột điện, cột, cống bê tông các loại. Lãi suất vay được quy định theo từng giấy nhận nợ và thay đổi 1 tháng 1 lần. Thời hạn cho vay được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 9 tháng. Không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng chi phí bảo hành các công trình xây lắp	818.508.322	944.776.292
Cộng	818.508.322	944.776.292

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	13.197.100.000	8.860.000	1.854.354.860	3.286.836.669	18.347.151.529
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	3.453.576.106	3.453.576.106
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	164.341.833	(164.341.833)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(747.016.836)	(747.016.836)
Trả cổ tức	-	-	-	(2.375.478.000)	(2.375.478.000)
Số dư tại ngày 01/01/2016	13.197.100.000	8.860.000	2.018.696.693	3.453.576.106	18.678.232.799
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	850.094.446	850.094.446
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	525.812.017	(525.812.017)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(552.286.088)	(552.286.088)
Trả cổ tức	-	-	-	(2.375.478.001)	(2.375.478.001)
Số dư tại ngày 30/06/2016	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	850.094.446	16.600.563.156

(*) Giá trị phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2016 số 01/NQ/VNECO3-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2016. Cụ thể:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 552.286.088 đồng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 525.812.017 đồng.

Ngoài ra, cũng theo Nghị quyết nêu trên, cổ tức năm 2015 được chi trả bằng tiền mặt bằng 18% vốn điều lệ, tương ứng giá trị là 2.375.478.001 đồng, thời gian chi trả cổ tức thực hiện chậm nhất ngày 03 tháng 08 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.319.710	1.319.710
- Cổ phiếu phổ thông	1.319.710	1.319.710
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.319.710	1.319.710
- Cổ phiếu phổ thông	1.319.710	1.319.710
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

13. Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận xây lắp và bộ phận sản xuất. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận xây lắp: Xây dựng các công trình, cho thuê kho bãi tại các công trường.

Bộ phận sản xuất: Sản xuất các ống bê tông, cọc bê tông ly tâm.

Công ty không có chi nhánh, do đó chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Bộ phận sản xuất	Bộ phận xây lắp và cho thuê kho	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	5.048.964.978	19.690.572.711	24.739.537.689
Tài sản không phân bổ	-	-	10.568.540.590
Tổng tài sản			35.308.078.279
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận		-	-
Nợ phải trả không phân bổ			18.707.515.123
Tổng nợ phải trả			18.707.515.123

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**13. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016

	Bộ phận sản xuất	Bộ phận xây lắp và cho thuê kho	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	5.407.381.194	19.801.161.515	25.208.542.709
Tài sản không phân bổ			12.590.279.297
Tổng tài sản			37.798.822.006
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ			19.120.589.207
Tổng nợ phải trả			19.120.589.207

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Bộ phận sản xuất	Bộ phận xây lắp và cho thuê kho	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên	3.709.578.860	10.125.014.979	13.834.593.839
Tổng doanh thu	3.709.578.860	10.125.014.979	13.834.593.839
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch	3.039.227.839	8.217.034.711	11.256.262.550
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	670.351.021	1.907.980.268	2.578.331.289
Chi phí không phân bổ			1.498.690.475
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.079.640.814
Doanh thu từ các khoản đầu tư			4.262.469
Lợi nhuận khác			222.622.209
Chi phí tài chính			240.038.703
Lợi nhuận trước thuế			1.066.486.789
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			216.392.343
Lợi nhuận trong năm			850.094.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Bộ phận sản xuất	Bộ phận xây lắp và cho thuê kho	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên	6.020.921.563	6.737.815.367	12.758.736.930
Tổng doanh thu	6.020.921.563	6.737.815.367	12.758.736.930
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch	4.161.326.407	5.805.498.708	9.966.825.115
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.859.595.156	932.316.659	2.791.911.815
Chi phí không phân bổ			1.412.240.625
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.379.671.190
Doanh thu từ các khoản đầu tư			100.184.339
Lợi nhuận khác			186.272.067
Chi phí tài chính			23.867.079
Lợi nhuận trước thuế			1.642.260.517
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			361.297.314
Lợi nhuận trong năm			1.280.963.203

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.834.593.839	12.758.736.930
Trong đó:		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	9.960.956.120	6.565.822.563
- Doanh thu bán hàng	3.709.578.860	6.020.921.563
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	164.058.859	171.992.804

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	8.079.610.908	5.646.254.292
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.039.227.839	4.161.326.407
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	137.423.803	159.244.416
Cộng	11.256.262.550	9.966.825.115

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.262.469	99.449.052
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	735.287
Cộng	4.262.469	100.184.339

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền vay	115.935.846	16.718.968
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	123.938.000	7.028.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	164.857	-
Chi phí tài chính khác	-	120.111
Cộng	240.038.703	23.867.079

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, bán phế liệu	154.545.455	23.118.532
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	126.267.970	-
Các khoản khác	262.981	223.036.634
Cộng	281.076.406	246.155.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Các khoản bị phạt	55.143.236	55.725.165
Các khoản khác	3.310.961	4.157.934
Cộng	58.454.197	59.883.099

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.066.486.789	1.642.260.517
Cộng: Chi phí không được trừ	15.474.927	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập	216.392.343	361.297.314
Cộng	216.392.343	361.297.314

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	850.094.446	1.280.963.203
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(135.944.691)	(204.847.999)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	714.149.755	1.076.115.204
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.319.710	1.319.710
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	541	815

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính của 6 tháng đầu năm 2016 là 16% của lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016. Tỷ lệ lợi nhuận ước tính là tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 được đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

	Số báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ	1.280.963.203	-	1.280.963.203
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước	(291.131.314)	86.283.315	(204.847.999)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ	1.319.710	-	1.319.710
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	750	815	815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.120.957.899	6.351.077.075
Chi phí công cụ dụng cụ	93.555.712	126.139.311
Chi phí nhân công	4.953.851.083	3.856.628.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.555.961	186.225.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.954.178.453	2.821.378.738
Chi phí khác bằng tiền	929.355.301	1.485.165.147
Cộng	14.301.454.409	14.826.614.847

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay	2.365.374.161	3.542.523.566
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.515.949.784	1.072.893.436
Nợ thuần	-	2.469.630.130
Vốn chủ sở hữu	16.600.563.156	18.678.232.799
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	13,22%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.515.949.784	1.072.893.436
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.059.905.570	25.248.964.756
Đầu tư dài hạn	239.676.403	239.676.403
Cộng	20.815.531.757	26.561.534.595
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	2.365.374.161	3.542.523.566
Phải trả người bán và phải trả khác	5.958.398.850	7.113.066.038
Chi phí phải trả	-	46.136.364
Cộng	8.323.773.011	10.701.725.968

Công nợ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.515.949.784	-	-	2.515.949.784
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.059.905.570	-	-	18.059.905.570
Đầu tư dài hạn	239.676.403	-	-	239.676.403
Cộng	20.815.531.757	-	-	20.815.531.757
30/06/2016				
Các khoản vay	2.365.374.161	-	-	2.365.374.161
Phải trả người bán và phải trả khác	5.958.398.850	-	-	5.958.398.850
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	8.323.773.011	-	-	8.323.773.011
Chênh lệch thanh khoản thuần	12.491.758.746	-	-	12.491.758.746
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.072.893.436	-	-	1.072.893.436
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.248.964.756	-	-	25.248.964.756
Đầu tư dài hạn	239.676.403	-	-	239.676.403
Cộng	26.561.534.595	-	-	26.561.534.595
01/01/2016				
Phải trả người bán và phải trả khác	7.113.066.038	-	-	7.113.066.038
Chi phí phải trả	46.136.364	-	-	46.136.364
Các khoản vay	3.542.523.566	-	-	3.542.523.566
Cộng	10.701.725.968	-	-	10.701.725.968
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.859.808.627	-	-	15.859.808.627

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. Thông tin về bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO8
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO10
Ông Trần Văn Huy
Ông Đậu Ngọc Thanh
Ông Trần Đức Thanh
Bà Trần Thị Lương
Bà Trần Thị Phương Mai
Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh
Ông Nguyễn Thế Dũng
Bà Phạm Thị Tuyết

Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Hội Đồng Quản trị
Hội Đồng Quản trị
Hội Đồng Quản trị
Hội Đồng Quản trị
Hội Đồng Quản trị
Ban Kiểm soát
Ban Kiểm soát
Ban Kiểm soát

Trong kỳ Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	2.652.609.694	6.565.822.563
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	1.043.871.097	-

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản phải thu		
Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam	7.945.140.515	14.451.119.017
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	1.006.097.173	791.377.966

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lương	335.568.300	240.070.700
Cộng	335.568.300	240.070.700

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Khối 3, phường Trung Đô,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét.



Trần Thị Lương

Người lập

Ngày 09 tháng 08 năm 2016

Trần Thị Lương

Kế toán trưởng

Trần Đức Thanh

Giám đốc